

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 575/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1975;

2. Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: P2102 T, Số 19 H, phường T, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Cháu Lê Thanh H, sinh năm 1999; Địa chỉ: P2102 T, Số 19 H, phường T, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

2. Cháu, sinh ngày 23/5/2009 do chị Trịnh Thị T đại diện theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tình cảm: Anh Lê Ngọc H và chị Trịnh Thị T đăng ký kết hôn ngày 13/02/1999, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Đến nay anh chị xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Ngọc H và chị Trịnh Thị T có 02 con chung là Lê Thanh H, sinh ngày 10/12/1999 và cháu Lê Ngọc Gia B, sinh ngày 23/5/2009. Ly hôn anh chị thỏa thuận, giao cháu Lê Ngọc Gia B cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Ngọc H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Đối với cháu Lê Thanh H hiện đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Lê Ngọc H và chị Trịnh Thị T có 02 khối tài sản chung, cụ thể là:

+ 01 căn hộ chung cư tại P2102, Tòa nhà T, số 19 H, phường T, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 10_2016/HĐMB-HP ngày 29/01/2016;

+ 01 căn hộ tập thể tại số 59 T, phường H, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 741433 do Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp ngày 28/01/2011.

Ly hôn anh chị thỏa thuận: $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tại 02 căn hộ trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Lê Ngọc H; $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tại 02 căn hộ trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị Trịnh Thị T. Anh Lê Ngọc H tự nguyện để lại giá trị phần tài sản của mình cho 02 con chung là cháu Lê Thanh H, sinh ngày 10/12/1999 và cháu Lê Ngọc Gia B, sinh ngày 23/5/2009 được quyền sở hữu, sử dụng.

Ngoài ra, anh chị còn có một số đồng dùng sinh hoạt gia đình giá trị nhỏ, anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh Lê Ngọc H và chị Trịnh Thị T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Anh Lê Ngọc H và chị Trịnh Thị T phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Ngọc H và chị Trịnh Thị T.

1.2 Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Gia B, sinh ngày 23/5/2009 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Ngọc H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Cháu Lê Thanh H hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh Lê Ngọc H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung:

- Anh Lê Ngọc H và chị Trịnh Thị T có 02 khối tài sản chung cụ thể là: 01 căn hộ chung cư tại P2102, Tòa nhà T, số 19 H, phường T, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 10_2016/HĐMB-HP ngày 29/01/2016 được ký kết giữa bên bán là Công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ P và bên mua là anh Lê Ngọc H; 01 nhà ở tại số 59 T, phường H, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 741433 do Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp ngày 28/01/2011.

Anh Lê Ngọc H và chị Trịnh Thị T thỏa thuận mỗi người được quyền sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 02 căn hộ nêu trên. Anh Lê Ngọc H tự nguyện tặng cho 02 con chung là cháu Lê Thanh H, sinh ngày 10/12/1999 và cháu Lê Ngọc Gia B, sinh ngày 23/5/2009 được quyền sở hữu, sử dụng.

Chị Trịnh Thị T và hai cháu Lê Thanh H, Lê Ngọc Gia B có quyền sở hữu chung, sử dụng chung căn hộ chung cư tại P2102, Tòa nhà T, số 19 H, phường T, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số 10_2016/HĐMB-HP ngày 29/01/2016 được ký kết giữa bên bán là Công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ P và bên mua là anh Lê Ngọc H. Trong đó phần quyền sở hữu của chị Trịnh Thị T tương ứng với $\frac{1}{2}$ giá trị căn hộ, phần quyền sở hữu của hai cháu Lê Thanh H, Lê Ngọc Gia B tương ứng với $\frac{1}{2}$ giá trị căn hộ.

Chị Trịnh Thị T và hai cháu Lê Thanh H, Lê Ngọc Gia B có quyền sở hữu chung, sử dụng chung nhà ở tại số 59 Tràng Thi, phường H, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 741433 do Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm cấp ngày 28/01/2011. Trong đó phần quyền sở hữu của chị Trịnh Thị T tương ứng với $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, phần quyền sở hữu của hai cháu Lê Thanh H, Lê Ngọc Gia B tương ứng với $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nêu trên.

- Anh Lê Ngọc H và chị Trịnh Thị T còn có một số đồ dùng sinh hoạt gia đình giá trị nhỏ, anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Ngọc H và chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Anh H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng lệ phí anh đã đại diện nộp theo biên lai số AA/2018/0021128 ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Anh H, chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm;
- CQTHADS Q.Nam Từ Liêm;
- UBND P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm,
- TP. Hà Nội (để ghi chú vào sổ hộ tịch, số: 19
- quyển số: năm 1999, ngày 13/02/1999);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN